

Số: KH1T-03/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(từ 21/01-20/02/2026)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ ngày 21/12/2025-20/01/2026

+ ***Đông, lốc, sét***: Trong thời kỳ từ 21/12/2025 đến 20/01/2026, chỉ xảy ra 01 trận lốc xoáy tại phường Quảng Phú, thành phố Đà Nẵng (*Bảng 2-Phụ lục*).

+ ***Không khí lạnh (KKL)***: Thời kỳ từ 21/12/2025 đến 20/01/2026 đã xảy ra 03 đợt KKL (đêm 24/12, đêm 01/01 và ngày 05/01). Trong đó, đợt KKL ngày 05/01/2026 đã gây gió tại trạm Bạch Long Vĩ mạnh cấp 7, giật cấp 8 và gây ra rét đậm, rét hại diện rộng tại các tỉnh Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nghệ An trong từ ngày 06-09/01; nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 8,0-11,0⁰C, vùng núi từ 5,0-7,0⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 4,0⁰C; sương muối, băng giá cũng đã xảy ra tại một số nơi vùng núi cao phía Bắc. Thời kỳ qua tại một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối ngày đạt và vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng kỳ (*Bảng 3 - Phụ lục*).

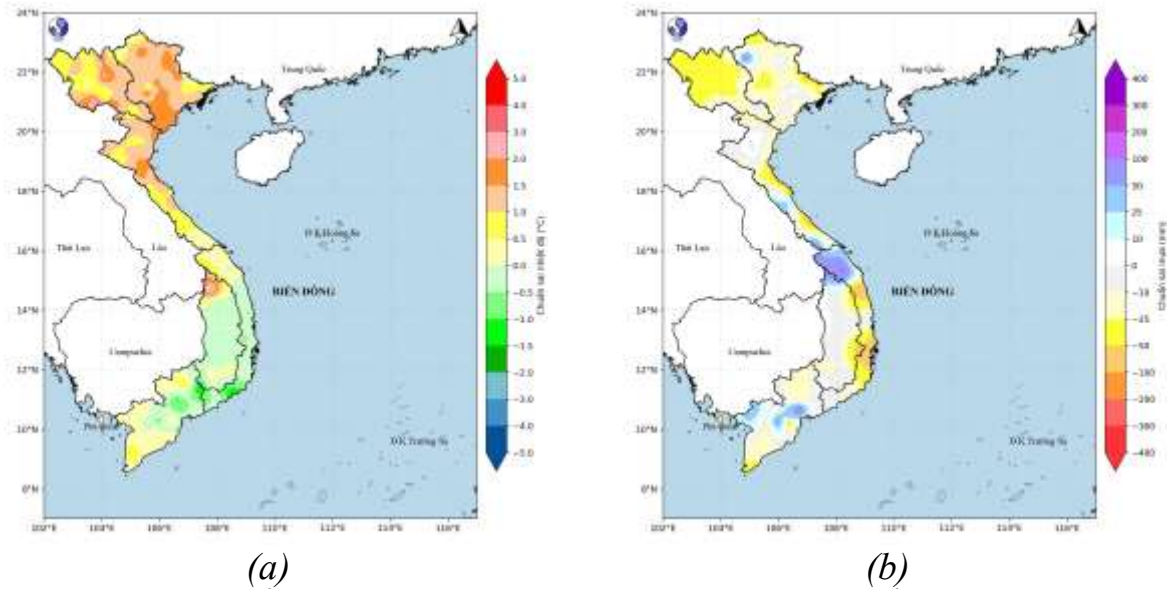
+ ***Mưa diện rộng***: Thời kỳ từ 21/12/2025 đến 20/01/2026, tại khu vực Bắc Bộ xảy ra 01 đợt mưa vào ngày 02-6/01 và ngày 17/01; khu vực Trung Bộ, xảy ra 01 đợt mưa diện rộng từ ngày 02-06/01 tại các tỉnh từ Hà Tĩnh-Đà Nẵng và phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi-Đắk Lắk, Khánh Hòa với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 15-30mm, có nơi cao hơn. Khu vực Nam Bộ có 01 đợt mưa trái mùa vào ngày 06-07/01 tại miền Tây Nam Bộ với lượng mưa không nhiều.

Trong các đợt mưa lớn đề cập ở trên, một số nơi đã ghi nhận được giá trị lượng mưa ngày vượt GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 6 - Phụ lục*).

+ ***Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB)***: NĐTĐB toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,0⁰C, một số nơi ở khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Hà Tĩnh cao hơn từ 1,0-1,5⁰C, có nơi cao hơn (*Hình 1a*).

Thời kỳ qua tại một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ cao nhất ngày đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 4, 5 - Phụ lục*).

+ **Lượng mưa:** TLM hầu hết các khu vực trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN từ 10-30mm, một số nơi ở Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn từ 30-50mm, có nơi thấp hơn như: Ba Tơ (Quảng Ngãi) thấp hơn 81mm, Nha Trang (Khánh Hòa) thấp hơn 70mm so với TBNN; ngoại trừ tại thành phố Đà Nẵng TLM cao hơn so với TBNN từ 15-30mm, riêng Tam Kỳ cao hơn 119mm so với TBNN (Hình 1b).

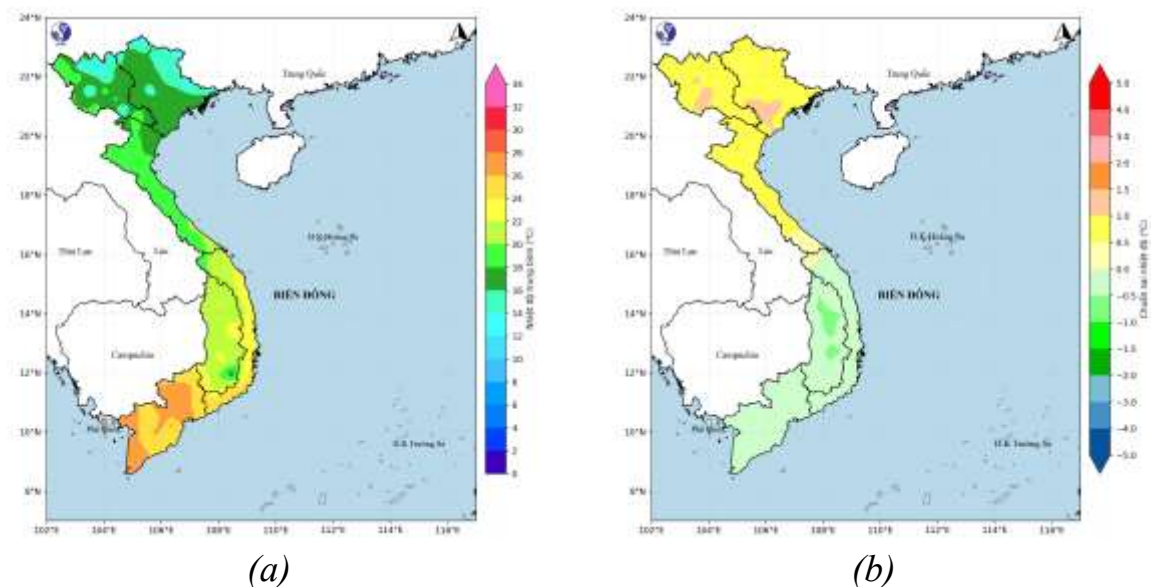


Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) và (b) Chuẩn sai lượng mưa (mm) từ ngày 21/12/2025-20/01/2026

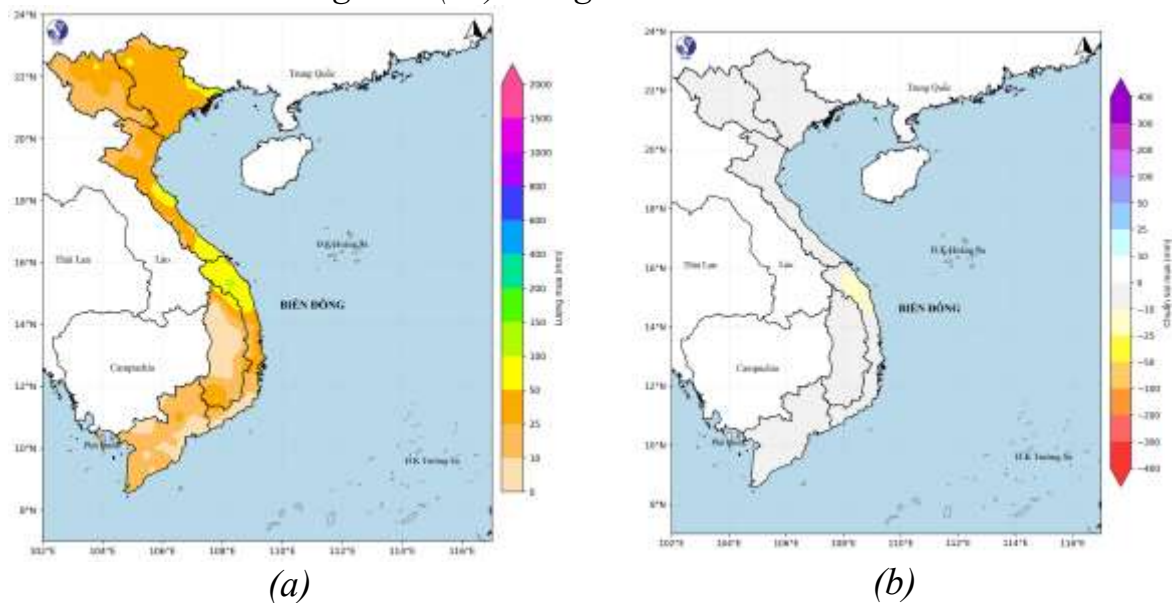
2. Dự báo xu thế khí hậu tháng từ 21/01-20/02/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB

Tại khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa-Huế NĐTB phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,0 $^{\circ}\text{C}$, có nơi trên 1,5 $^{\circ}\text{C}$; các khu vực khác phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).



Hình 2: (a) Nhiệt độ TBNN ($^{\circ}\text{C}$) từ 21/01-20/02; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng từ 21/01-20/02/2026



Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN từ 21/01-20/02; (b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) từ 21/01-20/02/2026

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong thời kỳ dự báo, TLM hầu khắp cả nước phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ. Trong đó, khu vực Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa-Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn so với TBNN từ 5-20mm; khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến ít mưa (Hình 3b).

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ **Bão/ATNĐ:** Trên khu vực Biển Đông ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ (TBNN: Trên Biển Đông là 0,13 cơn, đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0 cơn).

+ **Không khí lạnh, rét đậm-rét hại (RĐ-RH):** KKL có khả năng hoạt động yếu hơn so với TBNN, tuy nhiên vẫn gây ra các đợt RĐ-RH ngắn ngày tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Nghệ An, có thể kèm theo hiện tượng sương muối, băng giá ở khu vực vùng núi cao.

+ **Mưa diện rộng:** Trong thời kỳ dự báo, tại các khu vực Hà Tĩnh-Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ có khả năng xảy ra một số đợt mưa diện rộng.

+ Trên phạm vi cả nước, có khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Các đợt KKL gây gió mạnh, sóng lớn trên biển và ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Ngoài ra, cần đề phòng khả năng xảy ra những đợt

RĐ- RH với nhiệt độ thấp nhất giảm mạnh, đặc biệt tại các khu vực vùng núi cao phía bắc có khả năng kèm theo hiện tượng sương muối, băng giá và sương mù... Các hiện tượng đông, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động giao thông, sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, lượng mưa từ 21/01-20/02/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 21-31/01		Thời kỳ 01-10/02		Thời kỳ 11-20/02		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	15,5-16,5	5-10	17,0-18,0	< 5	18,5-19,5	5-10	17,0-18,0	10-25
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,0-18,0	5-10	18,5-19,5	< 5	19,0-20,0	5-15	18,0-19,0	15-30
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	13,5-14,5	10-20	15,0-16,0	5-10	16,0-17,0	5-15	15,0-16,0	20-40
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	16,5-17,5	5-15	18,0-19,0	5-10	19,0-20,0	5-10	18,0-19,0	15-30
Hải Phòng-Tp, Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	16,0-17,0	5-15	17,5-18,5	< 5	18,5-19,5	5-10	17,5-18,5	15-30
Hà Đông-Tp, Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	16,5-17,5	5-15	18,0-19,0	5-10	19,0-20,0	5-10	18,0-19,0	15-30
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	17,5-18,5	10-20	18,5-19,5	5-15	19,5-20,5	5-15	18,5-19,5	20-50
Huế-Tp, Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	19,5-20,5	30-60	20,0-21,0	15-30	21,0-22,0	15-30	20,0-21,0	60-110
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	20,5-21,5	< 3	21,0-22,0	< 5	22,5-23,5	< 5	21,5-22,5	5-10
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	22,5-23,5	10-25	23,0-24,0	5-10	24,0-25,0	5-15	23,0-24,0	20-50
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	23,5-24,5	5-15	23,5-24,5	< 5	24,5-25,5	< 5	24,0-25,0	10-20

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 21-31/01		Thời kỳ 01-10/02		Thời kỳ 11-20/02		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	20,5-21,5	< 2	21,0-22,0	< 3	22,5-23,5	< 3	21,5-22,5	5-10
Nhà Bè-Tp, Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	26,0-27,0	< 5	26,0-27,0	< 5	26,5-27,5	< 3	26,0-27,0	5-15
Cần Thơ-Tp, Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	25,5-26,5	< 5	25,5-26,5	< 3	26,0-27,0	< 5	25,5-26,5	5-15

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 1 – Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 12h00 ngày 01/02/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 21/01/2026./.

Soát tin: Đỗ Thị Thanh Thủy

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ),
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ),
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp, Huế,
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp, Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp, Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp, Cần Thơ, An Giang, Cà Mau,

Bảng 2: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ ngày 21/12/2025-20/01/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc xoáy	phường Quảng Phú, Tp, Đà Nẵng	17/12/2025

Bảng 3: Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối ngày từ ngày 01-20/01/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 01	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Phan Rí (Lâm Đồng)	15,7	2018	15,3	09/01/2026
2	Biên Hòa (Đồng Nai)	16,9	2016	16,6	09/01/2026
3	Tà Lài (Đồng Nai)	14,2	2018	13,9	10/01/2026
4	Nhà Bè (TP Hồ Chí Minh)	18,0	2016	17,8	09/01/2026
5	Trà Nóc (Cần Thơ)	18,8	2015	18,6	10/01/2026
6	Vĩnh Long (Vĩnh Long)	18,9	2025	18,7	10/01/2026

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày từ ngày 21-31/12/2025 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
-----	--------------------------	---------------------------------------	--------------------	--------------------	----------------

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Tây Ninh	36,0	2012, 2023	36,5	27/12/2025

Bảng 5: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày từ ngày 01-20/01/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 01	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Đắc Tô (Quảng Ngãi)	33,3	1998	33,7	17/01/2026

Bảng 6: Lượng mưa ngày (mm) trong thời kỳ 21-31/12/2025 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Móng Cái (Quảng Ninh)	28,6	2002	52,5	23/12/2025